

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**
- Mã chứng khoán: **HHV**
- Địa chỉ trụ sở chính: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Điện thoại liên hệ: 0236 3730 574 Fax: 0236 3842 713
- E-mail: info@hhv.com.vn Website: hhv.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả trân trọng công bố Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2024 của Công ty kết thúc vào ngày 31/12/2024.

(Chi tiết theo toàn văn Báo cáo tài chính đính kèm)

- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 25/01/2025 tại đường dẫn: <http://www.hhv.com.vn/báo cáo tài chính/2025>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Tài liệu đính kèm/ Attached documents:

- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2024 của Công ty kết thúc vào ngày 31/12/2024.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

Người được UQ CBTT

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Ân

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG
GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**

**Báo cáo tài chính hợp nhất
Quý 4 năm 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10 – 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 – 13
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	14 – 99

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 năm 2024 của Công ty kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 24/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 34 ngày 22/08/2024.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHCM ngày 23/12/2021 và chính thức giao dịch ngày 20/01/2022 tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HHV. Số lượng chứng khoán niêm yết tại ngày 31/12/2024 là 432.255.528 cổ phiếu.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024 là: 4.322.555.280.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: hoạt động thu phí, thu cước đường bộ, quản lý khai thác, bảo trì, duy tu bảo dưỡng các công trình hầm đường bộ, đường cao tốc, các tuyến quốc lộ và các công trình hạ tầng giao thông khác, đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao, trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, không bao gồm: các loại hình dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 5225); vận tải hành khách đường bộ khác: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định gồm: chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua các hầm đường bộ, đường cao tốc bằng phương tiện chuyên dùng; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, không bao gồm: các loại hình dịch vụ vận tải hành khách đường bộ khác mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 4932); vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (Mã ngành: 4933, 5221); bốc xếp hàng hóa (Mã ngành: 5224); xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4101, 4102); xây dựng công trình đường sắt, công trình đường bộ, công trình điện, công trình cấp, thoát nước, công trình viễn thông, thông tin liên lạc, công trình thủy, công trình khai khoáng, công trình chế biến, chế tạo, công trình công ích khác và công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4211, 4212, 4221, 4222, 4223, 4229, 4291, 4292, 4293, 4299); phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành: 4311, 4312); khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và khai khoáng khác (Mã ngành: 0810, 0899);

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

In ấn và dịch vụ liên quan đến in (Mã ngành: 1811, 1812); sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, đồ gỗ xây dựng, sản phẩm dầu mỡ tinh chế, plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh, vật liệu xây dựng từ đất sét, bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao, sản xuất điện, sản phẩm điện tử dân dụng, các cấu kiện kim loại, các sản phẩm khác bằng kim loại và sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 1104, 1622, 1920, 2013, 2392, 2395, 2511, 2599, 3511, 2640, 3290); gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (Mã ngành: 2592);

Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện, các sản phẩm kim loại đúc sẵn và thiết bị khác (Mã ngành: 3311, 3312, 3314, 3319); lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí và hệ thống xây dựng khác (Mã ngành: 3320, 4321, 4322, 4329); hoàn thiện công trình xây dựng và hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành: 4330, 4390); bán buôn, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, bán lẻ ô tô con (Mã ngành: 4511, 4512, 4520); bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; kim loại và quặng kim loại, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn bán lẻ chuyên doanh khác (Mã ngành: 4651, 4652, 4659, 4662, 4663, 4669, 4773); dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành: 5510); nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành: 5610); hoạt động chiếu phim và viễn thông khác (Mã ngành: 5914, 6190); lập trình, tư vấn, quản trị hệ thống, hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Mã ngành: 6201, 6202, 6209); cổng thông tin, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Mã ngành: 6311, 6312); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810); hoạt động kiến trúc, tư vấn quản lý và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành: 7020, 7110); kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành: 7120);

Quảng cáo (Mã ngành: 7310); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 7490); cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Mã ngành: 7710, 7730); cung ứng và quản lý nguồn lao động, lao động tạm thời (Mã ngành: 7820, 7830); hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Mã ngành: 7810); dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Mã ngành: 7990); dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn (Mã ngành: 8020); dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (Mã ngành: 8110); vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (Mã ngành: 8129); dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp, photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Mã ngành: 8211, 8219); hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (Mã ngành: 8220); tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Mã ngành: 8230); hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8299); đào tạo sơ cấp (Mã ngành: 8531); đào tạo trung cấp (Mã ngành: 8532); đào tạo cao đẳng (Mã ngành: 8533); giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8559); dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Mã ngành: 8560); hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8699); hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Mã ngành: 9000).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Vốn đầu tư (VND)
Công ty con: 03 Công ty			
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	65,03%	65,03%	1.157.824.390.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	73,41%	73,41%	1.674.617.650.000
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,37%	99,37%	294.455.000.000
Công ty liên doanh, liên kết: 04 Công ty			
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	38,00%	38,00%	391.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,34%	50,00%	122.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	31,60%	31,60%	45.504.000.000
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	40,00%	40,00%	20.000.000.000

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Thị xã Đông Hòa, Phú Yên
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Cù Mông	Thôn Long Thạnh, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Đường Cao Tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Đường Cao Tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Ấp Tân Phong, Xã Tân Hội, Thị Xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Đường Cao Tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Thôn Lương Cang, Xã Nhơn Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
Xí nghiệp Quản Lý, Vận Hành Đường Cao Tốc Tam Điệp - Diển Châu	Thôn Thọ Lộc, Xã Hà Lĩnh, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hà Nội	278 Thụy Khê, Phường Thụy Khê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 32 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Thông qua đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2023, Công ty đã huy động được số tiền 829.915.742.000 VND. Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này Công ty chưa sử dụng hết số vốn thu được từ đợt chào bán, số tiền còn lại được phép sử dụng là 35.443.874.010 VND.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định ngoài sự kiện nêu trên, Công ty không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	31/05/2024	
Ông Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch	31/05/2024	
Ông Nguyễn Hữu Hùng	Phó Chủ tịch	31/05/2024	
Ông Võ Thụy Linh	Thành viên	31/05/2024	
Ông Trần Chung	Thành viên	31/05/2024	
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	31/05/2024	
Ông Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập	31/05/2024	
Ông Hồ Quang Lợi	Thành viên độc lập	31/05/2024	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020	
Ông Ngô Trường Nam	Phó TGD thường trực	01/10/2024	
Ông Trần Văn Chí	Phó TGD thường trực	14/02/2022	
Ông Võ Ngọc Trung	Phó Tổng Giám đốc	10/12/2020	
Ông Trần Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	14/01/2021	
Bà Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng Giám đốc	30/03/2021	
Ông Lê Châu Thắng	Phó Tổng Giám đốc	14/02/2022	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Giang	Trưởng ban	31/05/2024	
Bà Cam Thị Minh Hải	Kiểm soát viên	17/06/2020	
Bà Phan Thị Mai	Kiểm soát viên	26/04/2021	

Đại diện theo pháp luật:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020	

Kế toán trưởng:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Ân		17/06/2020	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ báo cáo Quý 4 năm 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ báo cáo Quý 4 năm 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám Đốc



NGUYỄN QUANG HUY

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.387.713.345.484	1.175.974.314.357
110	Tiền và các khoản tương đương tiền		310.366.358.334	296.127.587.276
111	Tiền	V.1	187.371.280.932	70.617.142.427
112	Các khoản tương đương tiền		122.995.077.402	225.510.444.849
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		5.000.000.000	76.965.731.271
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	5.000.000.000	76.965.731.271
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		981.013.734.691	690.013.292.765
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	631.921.316.813	399.951.959.341
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4a	157.535.517.714	130.232.280.739
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	6.000.000.000	-
136	Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	198.767.446.895	173.039.599.416
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(13.210.546.731)	(13.210.546.731)
140	Hàng tồn kho		69.743.291.519	77.290.414.338
141	Hàng tồn kho	V.8	69.743.291.519	77.290.414.338
150	Tài sản ngắn hạn khác		21.589.960.940	35.577.288.707
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	18.613.244.208	25.335.939.260
152	Thuế GTGT được khấu trừ		-	10.122.438.374
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.17b	2.976.716.732	118.911.073

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		37.415.979.973.569	35.604.180.474.526
210	Các khoản phải thu dài hạn		843.975.373.322	404.737.676.911
212	Trả trước cho người bán dài hạn	V.4b	213.904.111.450	205.909.761.114
216	Phải thu dài hạn khác	V.6b	630.071.261.872	198.827.915.797
220	Tài sản cố định		27.720.627.842.625	28.328.801.816.358
221	Tài sản cố định hữu hình	V.10	27.703.465.530.747	28.308.715.534.444
222	Nguyên giá		30.065.042.561.801	30.309.445.727.903
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.361.577.031.054)	(2.000.730.193.459)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	V.11	14.075.260.603	16.187.449.195
225	Nguyên giá		17.714.776.374	17.714.776.374
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.639.515.771)	(1.527.327.179)
227	Tài sản cố định vô hình	V.12	3.087.051.275	3.898.832.719
228	Nguyên giá		5.169.474.563	5.411.164.156
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.082.423.288)	(1.512.331.437)
240	Tài sản dở dang dài hạn		11.729.989.803	170.630.457
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	11.729.989.803	170.630.457
250	Đầu tư tài chính dài hạn		1.065.428.663.314	496.981.414.519
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.2b	920.928.663.314	466.481.414.519
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.2c	127.500.000.000	13.500.000.000
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	17.000.000.000	17.000.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		7.774.218.104.505	6.373.488.936.281
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	7.758.457.713.519	6.355.220.075.804
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.23a	4.098.992.491	4.152.430.718
269	Lợi thế thương mại	V.14	11.661.398.495	14.116.429.759
270	TỔNG TÀI SẢN		38.803.693.319.053	36.780.154.788.883

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		27.895.929.937.279	28.047.253.459.419
310	Nợ ngắn hạn		3.691.392.068.923	3.143.895.667.433
311	Phải trả người bán ngắn hạn	V.15a	899.222.301.581	1.105.886.042.898
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.16a	4.719.425.163	4.619.425.163
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	V.17b	91.612.802.604	81.464.116.868
314	Phải trả người lao động	V.18	27.288.921.435	12.836.810.688
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	V.19a	590.883.675.967	439.427.348.028
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.20a	1.100.000.000	1.100.000.000
319	Phải trả ngắn hạn khác	V.21a	990.062.802.269	488.231.593.491
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.22a	1.080.398.965.089	1.004.158.155.482
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.103.174.815	6.172.174.815
330	Nợ dài hạn		24.204.537.868.356	24.903.357.791.986
331	Phải trả người bán dài hạn	V.15b	272.098.063.049	365.083.898.327
332	Người mua trả tiền trước dài hạn	V.16b	235.397.526.005	289.211.817.160
333	Chi phí phải trả dài hạn	V.19b	5.588.989.267.445	4.754.996.834.525
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.20b	6.649.932.236	7.764.764.056
337	Phải trả dài hạn khác	V.21b	38.822.766.625	53.484.473.182
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.22b	17.912.355.227.023	19.279.986.194.751
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	V.23b	150.225.085.973	152.829.809.985

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.24	10.907.763.381.774	8.732.901.329.464
410	Vốn chủ sở hữu		6.899.679.509.229	5.460.093.016.662
411	Vốn góp của chủ sở hữu		4.322.555.280.000	3.293.503.510.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.322.555.280.000	3.293.503.510.000
412	Thặng dư vốn cổ phần		6.079.662.000	(876.900.000)
418	Quỹ đầu tư phát triển		8.822.456.079	8.822.456.079
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.739.172.300	-
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối		1.095.255.677.673	921.898.501.789
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		703.328.280.943	601.683.644.827
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		391.927.396.730	320.214.856.962
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.465.227.261.177	1.236.745.448.794
430	Nguồn kinh phí và quỹ khác		4.008.083.872.545	3.272.808.312.802
432	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		4.008.083.872.545	3.272.808.312.802
440	TỔNG NGUỒN VỐN		38.803.693.319.053	36.780.154.788.883

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng





ĐẶNG THỊ HUYỀN

NGUYỄN VĂN ÂN

NGUYỄN QUANG HUY

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho Quý 4 năm 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.009.989.455.657	861.265.139.251	3.308.270.705.928	2.685.542.239.251
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.009.989.455.657	861.265.139.251	3.308.270.705.928	2.685.542.239.251
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	VI.2	677.859.513.649	628.663.919.968	1.964.220.223.750	1.605.123.307.081
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		332.129.942.008	232.601.219.283	1.344.050.482.178	1.080.418.932.170
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	14.916.035.856	5.953.633.177	47.734.136.945	25.719.678.287
22	Chi phí tài chính	VI.4	204.646.026.694	162.713.105.033	814.349.373.709	667.279.809.348
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		194.289.161.306	162.713.105.033	796.594.747.329	662.435.560.342
24	Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết		8.742.043.655	7.956.935.313	53.163.248.795	49.109.315.093
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	19.321.585.553	16.752.004.509	71.617.211.113	60.780.235.502
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		131.820.409.272	67.046.678.231	558.981.283.096	427.187.880.700
31	Thu nhập khác	VI.6	4.845.528.134	8.837.490	5.100.922.058	2.086.063.635
32	Chi phí khác	VI.7	3.581.901.143	224.762.779	6.236.384.035	4.553.327.184
40	Lỗ khác		1.263.626.991	(215.925.289)	(1.135.461.977)	(2.467.263.549)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		133.084.036.263	66.830.752.942	557.845.821.119	424.720.617.151

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Cho Quý 4 năm 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024
 (tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	VI.9	28.026.592.014	14.855.211.592	87.155.428.673	62.524.153.479
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(630.699.392)	(534.145.360)	(2.551.285.785)	(2.260.754.189)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>105.688.143.641</u>	<u>52.509.686.710</u>	<u>473.241.678.231</u>	<u>364.457.217.861</u>
	Phân bổ cho:					
61	Cổ đông của Công ty		95.491.736.024	51.437.091.232	404.961.161.015	322.122.856.962
62	Cổ đông không kiểm soát		10.196.407.617	1.072.595.478	68.280.517.216	42.334.360.899
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	221	156	973	1.010
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	164	106	716	678

Người lập biểu



ĐẶNG THỊ HUYỀN

Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN ÂN

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
 Tổng Giám đốc




NGUYỄN QUANG HUY

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho Quý 4 năm 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024 VND	2023 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	557.845.821.119	424.720.617.151
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định và phân bổ LTTM	367.458.304.153	310.893.451.005
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(101.171.970.146)	(69.984.744.374)
06	Chi phí lãi vay	796.594.747.329	662.435.560.342
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	1.620.726.902.455	1.328.064.884.124
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(269.908.508.169)	60.904.812.246
10	Giảm hàng tồn kho	7.547.122.819	83.455.341.478
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả [không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp]	(29.557.566.577)	182.916.898.206
12	Giảm chi phí trả trước	7.156.127.521	1.470.706.357
14	Tiền lãi vay đã trả	(1.078.813.688.366)	(1.202.050.111.622)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(85.556.727.980)	(61.361.424.724)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	900.281.000.000	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.071.874.661.703	393.401.106.065
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(258.541.184.587)	(128.953.497.802)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	30.000.000	15.814.973.910
23	Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(382.508.128.729)	(6.634.999.595)
24	Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	109.426.323.148	3.500.000.000
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(81.802.099.206)	(79.024.000.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10.116.000.000	78.380.000.000
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	6.845.083.968	25.183.315.403
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(596.434.005.406)	(91.734.208.084)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho Quý 4 năm 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	830.254.742.000	61.000.000
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	484.325.689.987	503.403.158.775
34	Chi trả nợ gốc vay	(1.772.220.761.360)	(886.294.034.961)
35	Chi trả nợ gốc thuê tài chính	(3.495.086.748)	(4.970.543.556)
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(66.469.118)	-
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	<u>(461.201.885.239)</u>	<u>(387.800.419.742)</u>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	14.238.771.058	(86.133.521.761)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	V.1 296.127.587.276	382.261.109.037
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	V.1 <u>310.366.358.334</u>	<u>296.127.587.276</u>

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 01 năm 2025

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc**

Người lập biểu

Kế toán trưởng





ĐẶNG THỊ HUYỀN

NGUYỄN VĂN ÂN

NGUYỄN QUANG HUY

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho Quý 4 năm 2024 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101965 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 24/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 34 ngày 22/08/2024.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024 là: 4.322.555.280.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

2. Hình thức kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: hoạt động thu phí, thu cước đường bộ, quản lý khai thác, bảo trì, duy tu bảo dưỡng các công trình hầm đường bộ, đường cao tốc, các tuyến quốc lộ và các công trình hạ tầng giao thông khác, đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao, trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, không bao gồm: các loại hình dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 5225); vận tải hành khách đường bộ khác: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định gồm: chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua các hầm đường bộ, đường cao tốc bằng phương tiện chuyên dùng; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, không bao gồm: các loại hình dịch vụ vận tải hành khách đường bộ khác mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 4932); vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (Mã ngành: 4933, 5221); bốc xếp hàng hóa (Mã ngành: 5224); xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4101, 4102); xây dựng công trình đường sắt, công trình đường bộ, công trình điện, công trình cấp, thoát nước, công trình viễn thông, thông tin liên lạc, công trình thủy, công trình khai khoáng, công trình chế biến, chế tạo, công trình công ích khác và công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4211, 4212, 4221, 4222, 4223, 4229, 4291, 4292, 4293, 4299); phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành: 4311, 4312); khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và khai khoáng khác (Mã ngành: 0810, 0899);

In ấn và dịch vụ liên quan đến in (Mã ngành: 1811, 1812); sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, đồ gỗ xây dựng, sản phẩm dầu mỡ tinh chế, plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh, vật liệu xây dựng từ đất sét, bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao, sản xuất điện, sản phẩm điện tử dân dụng, các cấu kiện kim loại, các sản phẩm khác bằng kim loại và sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 1104, 1622, 1920, 2013, 2392, 2395, 2511, 2599, 3511, 2640, 3290); gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (Mã ngành: 2592);

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)**

Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện, các sản phẩm kim loại đúc sẵn và thiết bị khác (Mã ngành: 3311, 3312, 3314, 3319); lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí và hệ thống xây dựng khác (Mã ngành: 3320, 4321, 4322, 4329); hoàn thiện công trình xây dựng và hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành: 4330, 4390); bán buôn, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, bán lẻ ô tô con (Mã ngành: 4511, 4512, 4520); bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; kim loại và quặng kim loại, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn bán lẻ chuyên doanh khác (Mã ngành: 4651, 4652, 4659, 4662, 4663, 4669, 4773); dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành: 5510); nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành: 5610); hoạt động chiếu phim và viễn thông khác (Mã ngành: 5914, 6190); lập trình, tư vấn, quản trị hệ thống, hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Mã ngành: 6201, 6202, 6209); công thông tin, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Mã ngành: 6311, 6312); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810); hoạt động kiến trúc, tư vấn quản lý và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành: 7020, 7110); kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành: 7120);

Quảng cáo (Mã ngành: 7310); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 7490); cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Mã ngành: 7710, 7730); cung ứng và quản lý nguồn lao động, lao động tạm thời (Mã ngành: 7820, 7830); hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Mã ngành: 7810); dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Mã ngành: 7990); dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn (Mã ngành: 8020); dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (Mã ngành: 8110); vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (Mã ngành: 8129); dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp, photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Mã ngành: 8211, 8219); hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (Mã ngành: 8220); tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Mã ngành: 8230); hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8299); đào tạo sơ cấp (Mã ngành: 8531); đào tạo trung cấp (Mã ngành: 8532); đào tạo cao đẳng (Mã ngành: 8533); giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8559); dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Mã ngành: 8560); hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8699); hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Mã ngành: 9000).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty:****Danh sách các Công ty con**

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			31.12.2024	01.01.2024	31.12.2024	01.01.2024
1	Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Tầng 16, Tháp văn phòng, Tòa nhà số 265 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam	65,03%	70,36%	65,03%	70,36%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	32 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	73,41%	72,09%	73,41%	72,09%
3	Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	Lô 4 BT1, Khu đô thị Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam	99,37%	99,32%	99,37%	99,32%

Danh sách công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			31.12.2024	01.01.2024	31.12.2024	01.01.2024
1	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	278 Thụy Khê, Phường Thụy Khê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	47,34%	47,21%	50,00%	50,00%
2	Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Số 320 tổ 11 phường Sông Bằng, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	40,00%	0%	40,00%	0%
3	Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Thôn Lương Cang, Xã Nhơn Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận	38,00%	0%	38,00%	0%
4	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Tầng 11, Tòa nhà văn phòng Thăng Long tại 98A Nguyễn Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	31,60%	31,60%	31,60%	31,60%

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)**

Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết:

i. Công ty Cổ Phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106987957 ngày 11/09/2015; thay đổi lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/03/2024.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 110/BKHĐT-GCNĐKĐTĐTN cấp ngày 29/03/2016, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 19/10/2016 về việc chấp thuận dự án đầu tư:

- + Dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM108 + 500 kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.
- + Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn chủ sở hữu:	1.645.470.000.000 VND
+ Vốn vay	10.543.195.000.000 VND
Tổng	12.188.665.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án vẫn tiếp tục hoàn thành và đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng BOT là 11,5%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 23 năm 8 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2024 là: 1.780.498.740.000 VND

i. Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0104567756 ngày 05/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 25 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/10/2024.

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 47/BKHĐT-GCNĐKĐTĐTN/ĐC1 do Bộ KHĐT chứng nhận ngày 20/06/2017:

- + Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân)

Quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 04/03/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân);

Quyết định số 397/QĐ-BGTVT ngày 05/04/2024 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân) theo hình thức hợp đồng BOT;

Tổng mức đầu tư dự án theo Phụ lục 13 của Hợp đồng 26/HĐXD-DEOCA với Bộ Giao thông Vận tải ký ngày 06/08/2024 là 18.904 tỷ đồng.

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn tự có:	1.749.864.583.000 VND
+ Vốn khác:	1.438.432.378.000 VND
+ Vốn vay	13.375.708.235.000 VND
+ Vốn Nhà nước hỗ trợ	5.048.002.979.000 VND
Tổng	21.612.008.175.000 VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)****ii. Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả (tiếp theo)**

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán. Hợp đồng BOT này được nhà nước đảm bảo lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án:

+ Hạng mục Hầm Đèo Cả: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 20 năm 5 tháng;

+ Hạng mục trạm An Dân: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 20 năm 5 tháng;

+ Hạng mục Hầm Cù Mông: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 20 năm 5 tháng;

+ Hạng mục Hầm Hải Vân 1 và Hầm Hải Vân 2: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng cho cả hai hầm là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 20 năm 5 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2024 là: 2.281.036.400.000 VND

ii. Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106205342 ngày 12/06/2013; thay đổi lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19/09/2023.

Giấy chứng nhận đầu tư số 62/BKHĐT-GCNĐTTN ngày 17/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư; điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 17/08/2015:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

Phụ lục Hợp đồng BOT số 07/11378/HĐ.BOT-BGTVT ngày 23/04/2021 giữa Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Phước Tượng Phú Gia (Nhà đầu tư) – Công ty cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT về việc Dự án đầu tư xây dựng công trình Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế:

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 1.559.231.104.000 VND

+ Vốn chủ sở hữu: 262.000.000.000 VND

+ Vốn vay: 1.297.231.104.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán. Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 10 năm 10 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2024 là: 296.310.000.000 VND

iii. Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106159826 ngày 22/04/2013. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 03/01/2025.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)****iv. Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa (tiếp theo)**

Giấy chứng nhận đầu tư số 60/BKHĐT-GCNĐTTN ngày 25/09/2013:

+ Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 & Km1405 - Km1425, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BOT.

Quyết định 108/QĐ-BGTVT ngày 13/01/2016 về việc thu phí tại trạm thu phí Ninh An Km1425+200 Quốc lộ 1 để hoàn vốn cho dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 và Km1405 - Km1425+500, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức hợp đồng BOT:

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 2.644.478.000.000 VND

+ Vốn chủ sở hữu: 339.447.800.000 VND

+ Vốn vay: 2.305.030.200.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán. Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 12 năm 8 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2024 là: 305.000.000.000 VND

v. Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4800935176 ngày 18/12/2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp ngày 01/10/2024.

+ Dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1);

Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10/08/2020 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư;

Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 16/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư;

Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 15/09/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư (PPP) (giai đoạn 1);

Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư (PPP) (giai đoạn 1);

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn chủ sở hữu: 1.444.130.000.000 VND

+ Vốn vay: 6.307.490.000.000 VND

+ Vốn Ngân sách nhà nước: 6.580.000.000.000 VND

Tổng 14.331.620.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Thời gian thi công xây dựng dự kiến theo PATC là từ ngày 19/12/2023 đến ngày 15/12/2026.

Thời gian thu phí dự kiến là 25 năm 03 tháng kể từ ngày dự án đi vào khai thác vận hành.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2024 là: 50.000.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)****vi. Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo**

Là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu số 0316685416 ngày 21/01/2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 06 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 15/06/2024.

+ Dự án: Đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông gian đoạn 2017-2020 theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn chủ sở hữu:	1.030.000.000.000 VND
+ Vốn vay:	2.756.200.000.000 VND
+ Vốn ngân sách Nhà nước:	5.139.280.000.000 VND
Tổng	8.925.480.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 9.99%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 16 năm 4 tháng.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024 là: 1.030.000.000.000 VND

vii. Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0108311466 ngày 05/06/2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 29/07/2024.

+ Dự án Đầu tư xây dựng thành phần 2: Tuyến cao tốc từ cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Km1+800-Km44+749,67), tỉnh Lạng Sơn

Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1833/QĐ-BGTVT ngày 14/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải. UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án tại các quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 và quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.

Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tài chính của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn Km1+800-Km108+500, kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1+800-Km106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	8.743.000.000.000 VND
+ Vốn chủ sở hữu:	1.749.000.000.000 VND
+ Vốn vay:	6.994.000.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2024 là: 144.000.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)**5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)**

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Xí Nghiệp Thi Công Xây Lắp Công Trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
Xí Nghiệp Sản Xuất Dịch Vụ Thương Mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, Xã Hòa Xuân Nam, Thị xã Đông Hòa, Phú Yên
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Hầm Đường Bộ Cù Mông	Thôn Long Thạnh, Xã Xuân Lộc, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Đường Cao Tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, Xã Hồ Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Đường Cao Tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Ấp Tân Phong, Xã Tân Hội, Thị Xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang
Xí Nghiệp Quản Lý, Vận Hành Đường Cao Tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Thôn Lương Cang, Xã Nhơn Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam
Xí nghiệp Quản Lý, Vận Hành Đường Cao Tốc Tam Điệp - Diễn Châu	Thôn Thọ Lộc, Xã Hà Lĩnh, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hà Nội	278 Thụy Khê, Phường Thụy Khê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 32 Thạch Thị Thanh, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

6. Danh sách các Công ty đầu tư khác**i. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam**

Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng ICV Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0401777280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/07/2016. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/10/2024.

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2024 là:

640.000.000.000 VND

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 1.285 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.073 nhân viên).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán****a) Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ**

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.
- + Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

b) Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)****b) Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**a) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác.

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên được phân loại là dài hạn.

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

b) Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết***Công ty con***

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua.

Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Công ty được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Công ty áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Công ty sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty và ngày kết thúc kỳ kế toán của Công ty. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các kỳ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)****b) Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết (tiếp theo)*****Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát***

Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Công ty vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Công ty được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Công ty trong các công ty liên kết, Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Công ty trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)****c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là khoản đầu tư vào công cụ vốn khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban tổng giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con định kỳ hàng năm. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

4. Nguyên tắc các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”), thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng bao gồm: chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và lãi vay được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán số 16. Chi phí hình thành nguyên giá tài sản cố định liên quan đến Dự án BOT, BT.

- Nguyên giá TSCĐ hình thành từ dự án BOT:

Tài sản cố định được tạm ghi nhận tăng nguyên giá từ khi có kết quả của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng. Chất lượng hạng mục cơ bản đáp ứng yêu cầu thiết kế được duyệt, các tiêu chuẩn áp dụng và các chỉ dẫn kỹ thuật của Dự án đủ điều kiện thông xe kỹ thuật đưa vào khai thác, sử dụng.

Công ty sẽ điều chỉnh việc ghi nhận Nguyên giá khi hoàn thành việc quyết toán các hạng mục với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình (ngoại trừ TSCĐ hình thành từ dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T)) được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”), thuê tài chính, bất động sản đầu tư (tiếp theo)**

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng đối với tài sản cố định không hình thành từ dự án BOT. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao
- Tài sản cố định khác	10 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao đối với tài sản hình thành từ dự án BOT, BT:

Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T), thời gian trích khấu hao TSCĐ được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao TSCĐ hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (tương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm). Việc xác định giá trị TSCĐ hình thành từ dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đang trong quá trình thực hiện dự án được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Chi phí này bao gồm: Chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định Chuẩn mực 16 - Chi phí lãi vay thực tế phát sinh trong kỳ và được ghi nhận lũy kế từ khi Dự án được triển khai thực hiện theo quyết định của Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt đối với Dự án BOT và Hợp đồng BOT được ký giữa Bộ Giao thông vận tải và doanh nghiệp dự án.

8. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (B.O.T)

Hợp đồng xây dựng – chuyển giao – kinh doanh (sau đây gọi tắt là hợp đồng B.O.T) là hình thức đầu tư được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi xây dựng xong, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được quyền kinh doanh công trình trong một thời hạn nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án chuyển giao công trình đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**10. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại**

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập báo cáo tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

14. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**- Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

- Mua lại và tái phát hành cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu phổ thông đã phát hành khi Công ty mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Giá trị của cổ phiếu quỹ ghi giảm vốn chủ sở hữu bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua cổ phiếu quỹ.

Khi cổ phiếu quỹ được bán ra (tái phát hành cổ phiếu quỹ), giá vốn của cổ phiếu quỹ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Khoản chênh lệch giữa giá bán cổ phiếu quỹ và giá vốn của cổ phiếu quỹ được ghi nhận vào tài khoản Thặng dư vốn cổ phần.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối (tiếp theo)**

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Các công ty con thực hiện tạm ứng lợi nhuận đã cam kết cho các Cổ đông theo phương án tài chính đã được phê duyệt trong hợp đồng BOT dựa vào dòng tiền thực tế thu được thay vì lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****d) Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e) Doanh thu phí giao thông

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông đường bộ trong giai đoạn thu phí được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé đường bộ, cầu đường bộ, hầm đường bộ theo mức phí được Nhà nước quy định áp dụng trên mỗi tuyến đường bộ, hầm đường bộ, cầu đường bộ nhất định mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

f) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

g) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

h) Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

i) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**19. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu**

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

20. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**22. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính (tiếp theo)**

Đối với các dự án BOT, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong giai đoạn vận hành được phân bổ theo tỷ lệ giữa doanh thu thu phí phát sinh trong kỳ và doanh thu theo phương án tài chính của dự án BOT, căn cứ theo Công văn số 2310/TCĐN-VP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài Chính được áp dụng từ năm tài chính 2020. Giá trị chênh lệch giữa chi phí đi vay phát sinh và chi phí đi vay được phân bổ vào kết quả hoạt động trong kỳ sẽ được ghi nhận vào chi phí trả trước, giá trị này được phân bổ vào các kỳ tiếp theo.

Công thức tính chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong kỳ:

$$\text{Chi phí lãi vay trong kỳ} = \frac{\text{Tổng chi phí lãi vay theo phương án tài chính}}{\text{Tổng doanh thu theo phương án tài chính}} \times \text{Doanh thu thực hiện trong kỳ}$$

23. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

24. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**24. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trên báo cáo công ty do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai cũng như khả năng khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ tính thuế tiếp theo tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

26. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

27. Công cụ tài chính**a) Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

27. Công cụ tài chính (tiếp theo)

a) Tài sản tài chính (tiếp theo)

- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b) Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

27. Công cụ tài chính (tiếp theo)

b) Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Tiền mặt	1.430.540.057	2.692.723.624
Tiền gửi ngân hàng	185.659.570.875	67.261.309.803
Tiền đang chuyển	281.170.000	663.109.000
Các khoản tương đương tiền	122.995.077.402	225.510.444.849
Cộng	310.366.358.334	296.127.587.276

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31.12.2024		01.01.2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	76.965.731.271	76.965.731.271
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	5.000.000.000	5.000.000.000	76.965.731.271	76.965.731.271
Dài hạn	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Trái phiếu (iii)	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	22.000.000.000	22.000.000.000	93.965.731.271	93.965.731.271

- (i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Vietinbank với lãi suất 4,2%/năm;
 (ii) Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Vietinbank với lãi suất là 4,2%/năm;
 (iii) Khoản đầu tư bao gồm 200 trái phiếu mệnh giá 10.000.000 đồng, kỳ hạn 10 năm (2019 - 2029); lãi suất: lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm; do ngân hàng Vietinbank phát hành. Trái phiếu này đang được sử dụng để đảm bảo cho các hợp đồng cấp tín dụng tại ngân hàng Vietinbank.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	Tại ngày 31.12.2024 VND	Đầu tư tăng thêm VND	Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) VND	Phân chia lãi (lỗ) từ các công ty liên doanh liên kết VND	Tại ngày 01.01.2024 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	464.495.201.318	-	-	54.019.903.538	410.475.297.780
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo (i)	391.400.000.000		391.400.000.000		-
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (ii)	20.000.000.000		20.000.000.000		-
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị (iii)	45.033.461.996	-	(10.116.000.000)	(856.654.743)	56.006.116.739
Cộng	920.928.663.314	-	401.284.000.000	53.163.248.795	466.481.414.519

(i) Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả đã hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo với giá trị vốn góp 391.400.000.000 VND theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2024/HĐCNCP/DCG-HHV ngày 26/12/2024.

(ii) Theo điều khoản trong Thỏa thuận liên danh ngày 30/10/2023 ký giữa liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, Công ty Cổ phần Xây dựng công trình 568 về việc tham gia lựa chọn Nhà đầu tư Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1), Công ty cam kết sẽ góp 15% tổng vốn điều lệ Doanh nghiệp dự án với số tiền là 216.619.500.000 VND. Tính tới thời điểm 31/12/2024, Công ty đã hoàn tất thủ tục góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (giai đoạn 1) với số tiền 7.500.000.000 VND theo Nghị quyết số 30/2023/NQ-HĐQT ngày 12/12/2023 và hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng vốn cổ phần từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả với giá trị vốn góp 12.500.000.000 VND theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2512/2024/HĐCNCP/DCG-HHV ngày 25/12/2024.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

- (i) Theo Nghị quyết số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/07/2024, Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị đã hoàn tất thủ tục giảm vốn điều lệ từ 176.000.000.000 VND xuống 144.000.000.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 10 do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp ngày 29/07/2024.

c) Đầu tư vào công ty khác

	31.12.2024			01.01.2024		
	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam (i)	127.500.000.000	-	-	13.500.000.000	-	-
Cộng	127.500.000.000	-	-	13.500.000.000	-	-

- (i) Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả đã hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam với giá trị vốn góp 114.000.000.000 VND theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2806/2024/CNCP-ICV ngày 28/06/2024.

Do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Bên liên quan	381.952.072.308	290.048.869.143
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	144.798.132.784	70.600.560.453
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	213.453.819.549	130.984.526.628
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	13.546.846.197	14.585.800.932
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	6.579.672.295	13.918.316.295
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	2.935.663.301	1.470.201.487
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	637.938.182	2.400.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	-	51.687.063.348
CTCP Tập đoàn Đầu tư xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	-	6.800.000.000
Bên thứ ba	249.969.244.505	109.903.090.198
Ban Quản lý dự án 2	99.722.250.196	61.415.375.434
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	47.114.285.311	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Giao thông Việt Nam	26.334.844.850	-
Ban Quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên Thành phố Đà Nẵng	15.779.280.000	-
Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	12.880.620.346	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	5.159.490.529
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	5.082.418.376	5.082.418.376
Công ty Quản lý và Sửa chữa Đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	3.399.652.533
Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh Lâm Đồng	2.384.463.000	2.384.463.000
Đối tượng khác	32.111.939.364	32.461.690.326
Cộng	631.921.316.813	399.951.959.341

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN****a) Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31.12.2024	01.01.2024
	VND	VND
Bên thứ ba	157.535.517.714	130.232.280.739
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng Hoàng Long - Công ty Cổ phần	100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Đông Á	14.359.029.400	14.359.029.400
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình Tây An	7.581.804.304	9.321.979.651
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ô tô và Xe chuyên dụng Việt Nam	5.992.200.000	5.992.200.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Bất động sản Á Châu	2.623.230.318	14.008.765.873
Đối tượng khác	26.979.253.692	86.550.305.815
Cộng	157.535.517.714	130.232.280.739

b) Trả trước cho người bán dài hạn

	31.12.2024	01.01.2024
	VND	VND
Bên thứ ba	213.904.111.450	205.909.761.114
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Ngầm Ban Quản lý Dự án 85	94.082.320.759	94.082.320.759
Công Ty Cổ phần Đầu Tư Năng Ban Mai	21.807.969.484	21.807.969.484
Công ty TNHH Minh Phát	15.247.718.241	15.247.718.241
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	11.899.747.000	11.899.747.000
Ban QLDA ĐTXD Tỉnh Lạng Sơn	9.381.606.667	9.381.606.667
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 - CTCP	8.575.350.000	8.575.350.000
Đối tượng khác	7.176.702.514	7.176.702.514
	45.732.696.785	37.738.346.449
Cộng	213.904.111.450	205.909.761.114

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31.12.2024	01.01.2024
	VND	VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần IDC Đông Dương (i)	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25 (ii)	3.000.000.000	-
Cộng	6.000.000.000	-

(i) Khoản cho Công ty Cổ phần IDC Đông Dương vay với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 11 tháng kể từ khi được nhận khoản vay đầu tiên.

(ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25 vay với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 11 tháng kể từ khi được nhận khoản vay đầu tiên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**6. PHẢI THU KHÁC****a) Phải thu khác ngắn hạn**

	31.12.2024		01.01.2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	62.598.999.349	-	61.230.295.234	-
Ký cược, ký quỹ	1.261.669.373	-	1.261.669.373	-
Bên liên quan	100.000.000	-	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	100.000.000	-	100.000.000	-
Bên thứ ba	1.161.669.373	-	1.161.669.373	-
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	687.819.373	-	687.819.373	-
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	473.850.000	-	473.850.000	-
Tạm ứng chi phí giải phóng mặt bằng	9.151.923.411	-	48.828.847.111	-
Bên thứ ba	9.151.923.411	-	48.828.847.111	-
BQLDA các Công trình Trọng điểm - UBND tỉnh Khánh Hòa	4.919.720.000	-	4.919.720.000	-
Đối tượng khác	4.232.203.411	-	43.909.127.111	-
Các khoản khác	125.754.854.762	873.033.836	61.718.787.698	873.033.836
Bên liên quan	91.092.934.288	-	31.148.203.686	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	64.302.099.206	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	23.875.003.994	-	18.125.128.566	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	2.663.833.088	-	2.446.716.160	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	251.998.000	-	3.758.872.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	-	-	6.817.486.960	-
Bên thứ ba	34.661.920.474	873.033.836	30.570.584.012	873.033.836
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	6.817.486.960	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Trình Ngầm	3.070.496.900	-	3.070.496.900	-
Đối tượng khác	24.773.936.614	873.033.836	27.500.087.112	873.033.836
Cộng	198.767.446.895	873.033.836	173.039.599.416	873.033.836

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**6. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)****b) Phải thu khác dài hạn**

	31.12.2024		01.01.2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ	2.157.503.000	-	2.157.503.000	-
Phải thu tạm ứng cổ tức (*)	74.538.955.074	-	85.096.325.353	-
Bên liên quan				
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	44.608.004.491	-	84.857.267.898	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	44.608.004.491	-	50.924.984.504	-
Bên thứ ba	29.930.950.583	-	33.932.283.394	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	29.775.842.388	-	239.057.455	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Việt Thành	155.108.195	-	-	-
Hợp tác kinh doanh	514.088.408.736	-	239.057.455	-
Bên liên quan				
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo (**)	514.088.408.736	-	61.750.100.044	-
Các khoản khác	39.286.395.062	-	61.750.100.044	-
Bên thứ ba	39.286.395.062	-	49.823.987.400	-
Phải thu tiền sửa chữa, bảo hành các dự án	13.922.159.406	-	49.823.987.400	-
Trung tâm phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện			25.096.534.444	-
Lạng Giang	12.301.719.456	-	12.301.719.456	-
Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Hữu Lũng	5.033.084.500	-	5.033.084.500	-
Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Chi Lăng	4.860.513.038	-	4.860.513.038	-
Khác	3.168.918.662	-	2.532.135.962	-
Cộng	630.071.261.872	-	198.827.915.797	-

(*) Đây là khoản phải thu tạm ứng cổ tức của Công ty con – Công ty Cổ phần BOT Phước Tượng Phú Gia.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

b) Phải thu khác dài hạn (tiếp theo)

(**) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2023/HĐHTKD/BOT CLVH - HHV ngày 20/09/2023 và các phụ lục hợp đồng kèm theo.

7. NỢ XẤU

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31.12.2024			01.01.2024		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng	11.035.892.482	-	(11.035.892.482)	11.035.892.482	-	(11.035.892.482)
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	-	(5.159.490.529)	5.159.490.529	-	(5.159.490.529)
Công ty Quản lý và Sửa chữa Đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	-	(3.399.652.533)	3.399.652.533	-	(3.399.652.533)
Đối tượng khác	2.476.749.420	-	(2.476.749.420)	2.476.749.420	-	(2.476.749.420)
Trả trước cho người bán	1.301.620.413	-	(1.301.620.413)	1.301.620.413	-	(1.301.620.413)
Công ty Cổ phần Nhà thép Tiên chế Chí Việt	673.571.100	-	(673.571.100)	673.571.100	-	(673.571.100)
Đối tượng khác	628.049.313	-	(628.049.313)	628.049.313	-	(628.049.313)
Phải thu ngắn hạn khác	873.033.836	-	(873.033.836)	873.033.836	-	(873.033.836)
Cục Quản lý Đường bộ III	837.818.000	-	(837.818.000)	837.818.000	-	(837.818.000)
Đối tượng khác	35.215.836	-	(35.215.836)	35.215.836	-	(35.215.836)
Cộng	13.210.546.731	-	(13.210.546.731)	13.210.546.731	-	(13.210.546.731)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CÀ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**8. HÀNG TỒN KHO**

	31.12.2024		01.01.2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	43.848.541.283	-	59.003.359.811	-
Nguyên liệu, vật liệu	25.635.274.807	-	17.973.383.568	-
Công cụ, dụng cụ	209.983.054	-	313.670.959	-
Hàng hóa, thành phẩm	49.492.375	-	-	-
Cộng	69.743.291.519	-	77.290.414.338	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến chi phí của các công trình xây lắp chưa hoàn thành. Tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo, công ty đang thực hiện thi công các công trình có nguồn vốn ngân sách nhà nước. Để đảm bảo tiến độ thi công của các dự án, công ty đã tăng cường các khoản chi phí đầu vào, làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Khoản chi phí này sẽ giảm dần sau khi các công trình được nghiệm thu hoàn thành.

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: Không có

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: Không có

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	18.613.244.208	25.335.939.260
Cộng	18.613.244.208	25.335.939.260

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Lãi vay chờ phân bổ	7.749.746.894.189	6.346.075.824.005
Chi phí sửa chữa trung tu mặt đường	1.733.867.761	3.268.624.249
Các khoản khác	6.976.951.569	5.875.627.550
Cộng	7.758.457.713.519	6.355.220.075.804

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	30.103.484.459.276	76.158.288.390	87.298.996.471	42.503.983.766	30.309.445.727.903
Số tăng trong năm	176.341.471.102	2.577.095.809	9.596.779.927	224.480.000	188.739.826.838
Mua trong năm	586.708.099	2.577.095.809	9.596.779.927	224.480.000	12.985.063.835
Đầu tư XDCB hoàn thành	24.285.583.883	-	-	-	24.285.583.883
Tặng khác	151.469.179.120	-	-	-	151.469.179.120
Số giảm trong năm	432.841.038.395	-	301.954.545	-	433.142.992.940
Thanh lý, nhượng bán	3.399.139.753	-	301.954.545	-	3.701.094.298
Giảm khác	429.441.898.642	-	-	-	429.441.898.642
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	29.846.984.891.983	78.735.384.199	96.593.821.853	42.728.463.766	30.065.042.561.801
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	1.897.019.013.610	24.437.386.229	55.482.616.660	23.791.176.960	2.000.730.193.459
Số tăng trong năm	342.841.733.495	9.186.412.849	6.510.918.419	3.743.324.483	362.282.389.246
Khấu hao trong năm	342.841.733.495	9.186.412.849	6.510.918.419	3.743.324.483	362.282.389.246
Số giảm trong năm	1.133.597.106	-	301.954.545	-	1.435.551.651
Thanh lý, nhượng bán	1.131.961.077	-	301.954.545	-	1.433.915.622
Giảm khác	1.636.029	-	-	-	1.636.029
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	2.238.727.149.999	33.623.799.078	61.691.580.534	27.534.501.443	2.361.577.031.054
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	28.206.465.445.666	51.720.902.161	31.816.379.811	18.712.806.806	28.308.715.534.444
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	27.608.257.741.984	45.111.585.121	34.902.241.319	15.193.962.323	27.703.465.530.747

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 26.895.185.081.207 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 75.233.074.908 VND

Nguyên giá tạm tính của tài sản hình thành từ dự án BOT như sau:

Nguyên giá tạm tính của Dự án đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cả:

- Hạng mục hầm Cổ Mã và đường dẫn là 2.911.227.825.989 VND;
- Hạng mục hầm Đèo Cả là 6.220.075.415.186 VND;
- Hạng mục hầm Cù Mông là 2.904.148.217.251 VND;
- Hạng mục hầm Hải Vân là 5.180.569.523.479 VND.

Nguyên giá tạm tính của dự án hạng mục tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500 là 1.382.106.581.771 VND.

Nguyên giá tạm tính của dự án hạng mục tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM 108 + 500 là 10.396.034.375.228 VND.

Nguyên giá tạm tính của dự án Hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế là 1.382.106.581.771 VND.

- Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T) thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (tương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm).
- Nguyên giá tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn nhà nước hỗ trợ chờ quyết toán với nguyên giá tạm tính là: 3.037.423.070.397 VND (nguyên giá này không trích khấu hao)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	5.918.181.818	11.796.594.556	17.714.776.374
<i>Số tăng trong năm</i>	-	-	-
Thuê trong năm	-	-	-
<i>Số giảm trong năm</i>	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	5.918.181.818	11.796.594.556	17.714.776.374
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	563.962.545	963.364.634	1.527.327.179
<i>Số tăng trong năm</i>	700.631.316	1.411.557.276	2.112.188.592
Khấu hao trong năm	700.631.316	1.411.557.276	2.112.188.592
<i>Số giảm trong năm</i>	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.264.593.861	2.374.921.910	3.639.515.771
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	5.354.219.273	10.833.229.922	16.187.449.195
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	4.653.587.957	9.421.672.646	14.075.260.603

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: 934.376.870 VND
- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: Các hợp đồng thuê tài chính
- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng thuê tài chính, bên thuê có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	618.292.634	4.609.468.050	183.403.472	5.411.164.156
<i>Số tăng trong năm</i>	-	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-	-
<i>Số giảm trong năm</i>	241.689.593	-	-	241.689.593
Thanh lý, nhượng bán	241.689.593	-	-	241.689.593
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	376.603.041	4.609.468.050	183.403.472	5.169.474.563
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	90.203.401	1.243.078.740	179.049.296	1.512.331.437
<i>Số tăng trong năm</i>	11.202.688	593.138.187	4.354.176	608.695.051
Khấu hao trong năm	11.202.688	593.138.187	4.354.176	608.695.051
<i>Số giảm trong năm</i>	38.603.200	-	-	38.603.200
Thanh lý, nhượng bán	38.603.200	-	-	38.603.200
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	62.802.889	1.836.216.927	183.403.472	2.082.423.288
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024	528.089.233	3.366.389.310	4.354.176	3.898.832.719
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	313.800.152	2.773.251.123	-	3.087.051.275

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:

313.814.138 VND

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng:

584.500.850 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Mua sắm tài sản cố định	1.731.481.481	-
Xây dựng cơ bản dở dang	9.998.508.322	170.630.457
Cộng	11.729.989.803	170.630.457

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Số dư đầu năm	14.116.429.759	16.571.461.023
Phân bổ trong năm	(2.455.031.264)	(2.455.031.264)
Số dư cuối năm	11.661.398.495	14.116.429.759

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

a) Phải trả người bán ngắn hạn

	31.12.2024		01.01.2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan	316.628.745.485	316.628.745.485	523.786.807.771	523.786.807.771
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	255.411.969.083	255.411.969.083	427.716.238.600	427.716.238.600
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	29.641.848.407	29.641.848.407	25.690.742.779	25.690.742.779
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	13.724.616.640	13.724.616.640	13.137.122.556	13.137.122.556
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	17.850.311.355	17.850.311.355	13.543.989.995	13.543.989.995
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	-	-	43.698.713.841	43.698.713.841
Bên thứ ba	582.593.556.096	582.593.556.096	582.099.235.127	582.099.235.127
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	110.174.790.905	110.174.790.905	-	-
Công ty TNHH Hòa Hiệp	56.746.314.256	56.746.314.256	56.746.314.256	56.746.314.256
Công ty TNHH MTV Minh Đăng	55.680.525.242	55.680.525.242	55.680.525.242	55.680.525.242
Công ty TNHH MTV Xây dựng 470	28.971.947.611	28.971.947.611	29.971.947.611	29.971.947.611
Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Đông Hới	20.233.539.459	20.233.539.459	21.533.539.459	21.533.539.459
Công ty Cổ phần Giao thông Xây dựng Số 1	19.705.171.053	19.705.171.053	19.705.171.053	19.705.171.053
Công ty Cổ phần Nam Tân	13.243.783.828	13.243.783.828	13.243.783.828	13.243.783.828
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	12.000.378.308	12.000.378.308	12.000.378.308	12.000.378.308
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trí Nam	10.151.710.240	10.151.710.240	14.251.710.240	14.251.710.240
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hoàng Long	9.826.427.702	9.826.427.702	9.826.427.702	9.826.427.702
Công ty Cổ phần Đầu tư truyền thông Việt	7.088.960.120	7.088.960.120	5.865.435.620	5.865.435.620
Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Dịch vụ Tân Khang	5.375.268.008	5.375.268.008	-	-
Công ty TNHH Đông Thuận Hà	5.637.815.046	5.637.815.046	-	-
Công ty cổ phần xây dựng Đức Nhi	6.365.247.780	6.365.247.780	-	-
Đối tượng khác	221.391.676.538	221.391.676.538	343.274.001.808	343.274.001.808
Cộng	899.222.301.581	899.222.301.581	1.105.886.042.898	1.105.886.042.898

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐỀ CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)****15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)****b) Phải trả người bán dài hạn**

	31.12.2024		01.01.2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan	2.719.148.000	2.719.148.000	2.719.148.000	2.719.148.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	2.719.148.000	2.719.148.000	2.719.148.000	2.719.148.000
Bên thứ ba	269.378.915.049	269.378.915.049	362.364.750.327	362.364.750.327
Chi nhánh Công ty TNHH MTV BCA Thăng Long - Xí nghiệp Đại Việt	71.873.463.105	71.873.463.105	92.873.463.105	92.873.463.105
Công ty TNHH APAVE Châu Á - Thái Bình Dương	19.146.941.214	19.146.941.214	19.646.941.214	19.646.941.214
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	18.019.220.715	18.019.220.715	18.019.220.715	18.019.220.715
Công ty TNHH NIPPON KOEI Việt Nam Internationallc	11.770.805.441	11.770.805.441	13.069.057.653	13.069.057.653
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492	8.594.572.647	8.594.572.647	8.594.572.647	8.594.572.647
Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long	7.402.838.003	7.402.838.003	20.003.227.353	20.003.227.353
Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam	6.649.125.023	6.649.125.023	6.649.125.023	6.649.125.023
Đối tượng khác	125.921.948.901	125.921.948.901	183.509.142.617	183.509.142.617
Cộng	272.098.063.049	272.098.063.049	365.083.898.327	365.083.898.327

Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC****a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Bên thứ ba	4.719.425.163	4.619.425.163
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	2.475.005.925	2.475.005.925
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Ngầm	1.495.821.371	1.495.821.371
Đối tượng khác	748.597.867	648.597.867
Cộng	4.719.425.163	4.619.425.163

b) Người mua trả tiền trước dài hạn

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Bên liên quan	100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (i)	100.000.000.000	-
Bên thứ ba	135.397.526.005	289.211.817.160
Ban Quản lý dự án 2 (ii)	107.363.557.627	248.163.537.782
Ban quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên Thành phố Đà Nẵng (iii)	28.033.968.378	41.048.279.378
Cộng	235.397.526.005	289.211.817.160

(i) Khoản tiền tạm ứng của Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh thi công xây dựng đường cao tốc thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (Tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (Tỉnh Cao Bằng).

(ii) Khoản tiền tạm ứng của Ban quản lý dự án 2 thi công dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn thuộc dự án xây dựng Công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025.

(iii) Khoản tiền tạm ứng của Ban quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên Thành phố Đà Nẵng thi công dự án đường ven biển nối cảng Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

a) Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01.01.2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31.12.2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	19.099.718.220	149.656.402.757	139.976.942.276	28.779.178.701
Thuế thu nhập doanh nghiệp	61.024.545.733	87.155.428.673	85.556.727.980	62.623.246.426
Thuế thu nhập cá nhân	216.859.447	1.661.755.152	1.668.237.122	210.377.477
Thuế tài nguyên	-	16.102.365	16.102.365	-
Các khoản thuế khác	1.122.993.468	1.746.734.676	2.869.728.144	-
Cộng	81.464.116.868	240.236.423.623	230.087.737.887	91.612.802.604

b) Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	01.01.2024 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã thực thu trong năm VND	31.12.2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	118.911.073	2.857.805.659	-	2.976.716.732
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Các khoản thuế khác	-	-	-	-
Cộng	118.911.073	2.857.805.659	-	2.976.716.732

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về nộp thuế. Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Tiền lương phải trả	27.288.921.435	12.836.810.688
Cộng	27.288.921.435	12.836.810.688

Tiền lương phải trả người lao động sẽ được chi trả từ ngày 01 đến ngày 10 của tháng kế tiếp theo quy định tại Quy chế tiền lương và các chế độ khác chi trả cho người lao động.

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Chi phí lãi vay phải trả	220.763.753.000	219.483.673.000
Trích trước chi phí trung tu, đại tu Hầm	203.597.439.523	153.193.675.248
Trích trước chi phí gói thầu xây dựng	140.308.192.269	44.358.461.163
Trích trước chi phí lãi vay	2.274.874.008	2.421.090.871
Các khoản khác	23.939.417.167	19.970.447.746
Cộng	590.883.675.967	439.427.348.028

b) Chi phí phải trả dài hạn

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Chi phí lãi vay phải trả	5.354.447.699.197	4.391.663.261.974
Trích trước chi phí lãi vay	30.222.264.864	38.654.100.276
Các khoản khác	204.319.303.384	324.679.472.275
Cộng	5.588.989.267.445	4.754.996.834.525

Chi phí lãi vay phải trả ngắn hạn, dài hạn chủ yếu là khoản lãi vay phát sinh tại các công ty con liên quan đến các dự án BOT (dự án cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn và dự án hầm Đèo Cả - Cổ Mã - Cù Mông - Hải Vân), sẽ được chi trả bằng nguồn thu phí và tiến độ chi trả theo dòng tiền thực tế của dự án.

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Doanh thu nhận trước	1.100.000.000	1.100.000.000
Cộng	1.100.000.000	1.100.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN (tiếp theo)****b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Doanh thu nhận trước	6.600.000.000	7.700.000.000
Các khoản khác	49.932.236	64.764.056
Cộng	<u>6.649.932.236</u>	<u>7.764.764.056</u>

21. PHẢI TRẢ KHÁC**a) Phải trả khác ngắn hạn**

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Bảo đảm thực hiện hợp đồng bảo hành, khối lượng chờ quyết toán	394.000.356.186	398.540.637.739
Bên liên quan	-	65.626.091.401
Công ty Cổ phần Xây Dựng Đèo Cả	-	65.626.091.401
Bên thứ ba	394.000.356.186	332.914.546.338
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	71.817.270.281	71.817.270.281
Công ty Cổ phần Xây Dựng Đèo Cả	65.626.091.401	-
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	51.646.434.240	51.646.434.240
Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu	51.066.578.889	51.066.578.889
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Ngầm	43.169.306.865	43.169.306.865
Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long	33.928.669.952	35.928.669.952
Đối tượng khác	76.746.004.558	79.286.286.111
Phải trả về chuyển nhượng cổ phần	507.900.000.000	-
Bên liên quan	507.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (*)	507.900.000.000	-
Các khoản khác	88.162.446.083	89.690.955.752
Bên thứ ba	88.162.446.083	89.690.955.752
Đối tượng khác	88.162.446.083	89.690.955.752
Cộng	<u>990.062.802.269</u>	<u>488.231.593.491</u>

(*) Căn cứ hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2806/2024/CNCP-ICV ngày 28/06/2024.

b) Phải trả khác dài hạn

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Gói thầu Hợp phần quốc lộ 1 - Bảo hành chờ quyết toán	22.144.480.775	32.449.235.354
Bảo đảm thực hiện hợp đồng các nhà thầu	10.467.834.734	10.584.963.184
Phải trả khác	6.210.451.116	10.450.274.644
Cộng	<u>38.822.766.625</u>	<u>53.484.473.182</u>

Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 31.12.2024 VND	Phát sinh trong năm			Tại ngày 01.01.2024
		Vay dài hạn đến hạn trả(*) VND	Tăng VND	Giảm VND	VND
Bên thứ ba	1.080.398.965.089	1.369.156.330.028	482.800.327.687	1.775.715.848.108	1.004.158.155.482
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nội	804.000.000.000	1.289.317.607.000	-	1.208.317.607.000	723.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	106.128.381.151	1.257.453.716	226.840.878.426	301.110.447.831	179.140.496.840
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long Hà Nội	66.173.627.465	4.639.182.564	105.650.839.882	97.201.909.324	53.085.514.343
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Nội	66.667.000.000	66.667.000.000	-	30.855.000.000	30.855.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	30.154.869.725	-	150.308.609.379	128.189.023.650	8.035.283.996
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	3.780.000.000	3.780.000.000	-	3.780.000.000	3.780.000.000
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	1.772.608.776	1.772.608.776	-	1.772.608.776	1.772.608.776
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	1.722.477.972	1.722.477.972	-	1.722.477.972	1.722.477.972
Cán bộ, công nhân viên	-	-	-	2.766.773.555	2.766.773.555
Cộng	1.080.398.965.089	1.369.156.330.028	482.800.327.687	1.775.715.848.108	1.004.158.155.482

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)**

Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

(*) Thông tin về vay dài hạn đến hạn trả:

<i>Hợp đồng tín dụng</i>	<i>Số dư nợ vay</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Bên cho vay</i>
Số 02-2013-HDTDDA/NHCT106-DEOCA	863.962.107.000	Năm 2025	Ngân hàng Vietinbank - CN Hà Nội
Số 01/2017-HĐTDDA/NHCT106-BOT BGLS	240.000.000.000	Năm 2025	Ngân hàng Vietinbank - CN Hà Nội
Số 01/2016-HĐTDDA/NHCT106-DEOCA	98.354.500.000	Năm 2025	Ngân hàng Vietinbank - CN Hà Nội
Số 23072014/HDDH; Phụ lục 1-9. Thông báo cơ cấu nợ số 23072014/HĐDH/SĐBS-06	66.667.000.000	Năm 2025	Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Nội
Số 01/2015-HDTDDA/NHCT106-DEOCA	57.404.000.000	Năm 2025	Ngân hàng Vietinbank - CN Hà Nội
Số 02/2015-HDTDDA/NHCT106-DEOCA	29.597.000.000	Năm 2025	Ngân hàng Vietinbank - CN Hà Nội
Các kế ước nhận nợ trung hạn của HHV	13.171.723.028	Năm 2025	Các ngân hàng và Công ty cho thuê tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Tại ngày 31.12.2024 VND	Phát sinh trong năm			Tại ngày 01.01.2024 VND
		Tăng VND	Giảm VND	Vay dài hạn đến hạn trả(*) VND	
Trên 1 năm đến 5 năm	32.825.878.913	1.525.362.300	-	13.171.723.028	44.472.239.641
Bên thứ ba	32.825.878.913	1.525.362.300	-	13.171.723.028	44.472.239.641
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long Hà Nội	11.291.171.302	-	-	4.639.182.564	15.930.353.866
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	10.115.000.000	-	-	3.780.000.000	13.895.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	4.077.433.614	1.525.362.300	-	1.257.453.716	3.809.525.030
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	4.210.899.137	-	-	1.722.477.972	5.933.377.109
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	3.131.374.860	-	-	1.772.608.776	4.903.983.636
Trên 5 năm	17.879.529.348.110	-	-	1.355.984.607.000	19.235.513.955.110
Bên thứ ba	17.879.529.348.110	-	-	1.355.984.607.000	19.235.513.955.110
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Hà Nội	17.036.875.215.777	-	-	1.289.317.607.000	18.326.192.822.777
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Nội	842.654.132.333	-	-	66.667.000.000	909.321.132.333
Cộng	17.912.355.227.023	1.525.362.300	-	1.369.156.330.028	19.279.986.194.751

Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c) Các khoản nợ thuê tài chính đã thanh toán

Thời hạn	31.12.2024			31.12.2023		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Trả tiền lãi thuê VND	Trả nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Trả tiền lãi thuê VND	Trả nợ gốc VND
	Trên 1 năm đến 5 năm	4.429.463.618	934.376.870	3.495.086.748	5.956.685.722	986.142.166
Bên thứ ba						
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	2.225.653.136	453.044.360	1.772.608.776	3.778.648.032	629.249.395	3.149.398.637
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST Chi nhánh Đà Nẵng	2.203.810.482	481.332.510	1.722.477.972	2.178.037.690	356.892.771	1.821.144.919
Cộng	4.429.463.618	934.376.870	3.495.086.748	5.956.685.722	986.142.166	4.970.543.556

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn:

STT	Bên cho vay	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	200.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 9 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Phương tiện vận tải, cổ phiếu, bất động sản; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do Vietinbank cấp tín dụng.
		100.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 6 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	
2	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long Hà Nội	800.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 10 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Hợp đồng tiền gửi, bất động sản, phương tiện vận tải; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do ngân hàng TMCP Tiên phong cấp tín dụng; - Bảo Lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả.
3	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	600.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 10 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Hợp đồng tiền gửi; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cấp tín dụng.
4	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (*)	22.841.000.000.000	180 – 312 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
5	Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (*)	1.148.942.000.000	233 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT; Phần vốn góp của Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả và Công ty CP ĐTMT Hà Thành vào Công ty CP Phước Tượng Phú Gia BOT

(*) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội là khoản vay phát sinh tại các công ty con liên quan đến các dự án BOT (Đèo Cả- Cù Mông - Hải Vân, Bắc Giang - Lạng Sơn, Phước Tượng - Phú Gia), được trả theo phương án tài chính dựa trên nguồn thu phí hằng năm của các dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:

STT	Bên cho vay	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	41.804.000.000	60-72 tháng	8%/năm đến ngày 27/1/2022, sau đó điều chỉnh linh hoạt theo từng kế ước nhận nợ	Tài sản hình thành từ vốn vay
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Nam Hà Nội	18.935.000.000	60 tháng	Theo hợp đồng vay	Tài sản hình thành từ vốn vay
3	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	9.312.000.000	60 tháng	8%/năm và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần	Tài sản hình thành từ vốn vay
4	Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	9.825.991.049	60 tháng	10,95%/năm - 10,80%/năm	Ký cược
5	Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	9.477.000.000	60 tháng	6,3%/năm - 7,2%/năm	Ký cược

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn (tiếp theo):

STT	Bên cho vay	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
6	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	2.500.000.000.000	Thời hạn vay là 204 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
		4.182.000.000.000	Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 4 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
		4.800.000.000.000	180 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
		1.190.000.000.000	Thời hạn vay là 192 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
7	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	10.169.000.000.000	Thời hạn vay là 26 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến năm 2043, thời gian giải ngân là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
8	Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội	1.148.942.000.000	233 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT; Phần vốn góp của Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả và Công ty CP ĐTMT Hà Thành vào Công ty CP Phước Tượng Phú Gia BOT

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**23. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI****a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	4.098.992.491	4.152.430.718
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.098.992.491	4.152.430.718

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	150.225.085.973	152.829.809.985
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	150.225.085.973	152.829.809.985

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Nguồn kinh phí và quỹ khác (*) VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01.01.2023	3.078.044.500.000	(537.900.000)	7.148.483.380	-	820.521.267.159	1.197.528.616.033	3.272.808.312.802	8.375.513.279.374
Lợi nhuận trong năm					268.472.448.804	40.809.334.858		309.281.783.662
Trả thù lao cho HĐQT&BKS					(1.431.000.000)			(1.431.000.000)
Trích quỹ Đầu tư phát triển			1.673.972.699		(1.673.972.699)			-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi					(5.021.918.096)			(5.021.918.096)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	215.459.010.000				(215.459.010.000)			-
Thay đổi lợi ích cổ đông không kiểm soát					3.317.278.463	(3.117.528.138)		199.750.325
Tại ngày 31.12.2023	3.293.503.510.000	(537.900.000)	8.822.456.079	-	868.725.093.631	1.235.220.422.753	3.272.808.312.802	8.678.541.895.265
Tại ngày 01.01.2024	3.293.503.510.000	(876.900.000)	8.822.456.079	-	921.898.501.789	1.236.745.448.794	3.272.808.312.802	8.732.901.329.464
Tăng vốn trong năm	823.298.180.000	6.956.562.000	-	-	-	-	-	830.254.742.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	404.961.161.015	68.280.517.216	-	473.241.678.231
Trả thù lao cho HĐQT&BKS (1)	-	-	-	-	(1.908.000.000)	-	-	(1.908.000.000)
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (2)	-	-	-	1.739.172.300	(1.739.172.300)	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (3)	205.753.590.000	-	-	-	(205.753.590.000)	-	-	-
Tăng khác (4)							900.281.000.000	900.281.000.000
Giảm khác (5)							(165.005.440.257)	(165.005.440.257)
Thay đổi lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(22.203.222.831)	160.201.295.167	-	137.998.072.336
Tại ngày 31.12.2024	4.322.555.280.000	6.079.662.000	8.822.456.079	1.739.172.300	1.095.255.677.673	1.465.227.261.177	4.008.083.872.545	10.907.763.381.774

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

(*) Đây là nguồn vốn Ngân sách Nhà nước được cấp theo Hợp đồng dự án số 26/HĐXD-DEOCA ngày 08/11/2012 và các phụ lục hợp đồng kèm theo, được cập nhật vào tổng mức đầu tư của Dự án tại quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 4/3/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm hầm Đèo Cả, hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân); Theo đó, nguồn vốn này được giao cho Doanh nghiệp dự án thực hiện dự án BOT nhằm đảm bảo phương án tài chính đã ký với cơ quan chức năng có thẩm quyền.

(1) Theo nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/05/2024, HĐQT đã thông qua việc chi trả thù lao cho HĐQT&BKS.

(2) Theo nghị quyết số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/05/2024, HĐQT đã thông qua việc trích quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ với số tiền là 1.739.172.300 VND.

(3) Theo nghị quyết số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/05/2024, HĐQT thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu. Kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2023 là vốn điều lệ tăng từ 4.116.801.690.000 VND lên 4.322.555.280.000 VND.

(4) Khoản tăng khác trong nguồn kinh phí và quỹ khác là nguồn vốn Ngân sách nhà nước được cấp theo Hợp đồng dự án số 26/HĐXD-DEOCA ngày 08/11/2012 và các phụ lục hợp đồng kèm theo, được cập nhật vào Tổng mức đầu tư của dự án tại QĐ số 397/QĐ-BGTVT ngày 05/04/2024 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân) trong giai đoạn 2021-2025.

(5) Khoản giảm khác trong nguồn kinh phí và quỹ khác là phần vốn TPCP giải ngân vượt quá giá trị quyết toán các gói thầu hạng mục hầm Cổ Mã và đường dẫn thuộc dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân) theo hình thức hợp đồng BOT. Trong năm 2024 Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả (Công ty con) đã hoàn trả lại cho Ngân sách nhà nước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31.12.2024 VND	%	01.01.2024 VND	%
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả (*)	58.271.080.000	1,35%	40.545.020.000	1,23%
Hồ Minh Hoàng	20.223.000.000	0,47%	19.260.000.000	0,58%
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	695.446.490.000	16,09%	662.330.000.000	20,11%
Đối tượng khác	3.548.614.710.000	82,09%	2.571.368.490.000	78,08%
Cộng	4.322.555.280.000	100,00%	3.293.503.510.000	100,00%

(*) Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả trở thành Công ty mẹ của Công ty thông qua quyền sở hữu, quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại các Công ty con đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả với tỷ lệ quyền sở hữu và biểu quyết như sau:

	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Quyền sở hữu trực tiếp	1,35%	1,35%
Quyền sở hữu và biểu quyết gián tiếp	16,05%	16,09%
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	16,05%	16,09%
Cộng	17,40%	17,44%

Hiện tại, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (DCG) đang nắm tỷ lệ quyền biểu quyết là 17,44% tuy nhiên DCG vẫn là Công ty mẹ do đang nắm quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty thông qua việc nắm đa số thành viên trong Hội Đồng Quản trị.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	3.293.503.510.000	3.078.044.500.000
- Vốn góp tăng trong năm	1.029.051.770.000	215.459.010.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	4.322.555.280.000	3.293.503.510.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	205.753.590.000	215.459.010.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐỀ CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****Cổ phiếu**

	31.12.2024	01.01.2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	432.255.528	329.350.351
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	432.255.528	329.350.351
+ Cổ phiếu phổ thông	432.255.528	329.350.351
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	432.255.528	329.350.351
+ Cổ phiếu phổ thông	432.255.528	329.350.351
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý 4		Năm tài chính	
	2024	2023	kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	VND	VND	2024	2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.009.989.455.657	861.265.139.251	3.308.270.705.928	2.685.542.239.251
Doanh thu các trạm thu phí BOT	476.769.600.282	389.511.223.773	1.913.780.065.107	1.572.642.616.928
Doanh thu xây lắp	378.331.063.119	448.173.754.983	1.151.845.561.043	1.047.328.437.548
Doanh thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	27.021.974.973	14.232.428.380	65.526.945.415	29.063.439.057
Doanh thu cung cấp dịch vụ trung chuyển	4.486.007.230	4.438.175.000	20.325.723.896	20.915.838.636
Doanh thu khác	123.380.810.053	4.909.557.115	156.792.410.467	15.591.907.082
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Doanh thu thuần	1.009.989.455.657	861.265.139.251	3.308.270.705.928	2.685.542.239.251
Trong đó doanh thu đối với các bên liên quan	314.106.416.733	286.588.990.142	564.164.078.589	848.198.579.841
Doanh thu xây lắp	199.359.619.034	281.136.942.830	415.390.961.684	829.711.961.943
Doanh thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	18.065.476.086	3.140.956.241	46.846.339.620	11.606.171.330
Doanh thu khác	96.681.321.613	2.311.091.071	101.926.777.285	6.880.446.568

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND
Giá vốn các trạm thu phí BOT	182.678.076.491	163.795.899.879	660.944.940.344	600.822.538.351
Giá vốn xây lắp	357.734.469.829	448.032.483.173	1.108.502.624.137	961.738.097.493
Giá vốn duy tu bảo dưỡng hầm, đường	14.213.741.050	10.354.957.390	34.901.963.806	21.046.948.083
Giá vốn cung cấp dịch vụ trung chuyển	3.122.451.580	3.980.742.235	15.202.742.519	15.848.673.071
Giá vốn khác	120.110.774.699	2.499.837.291	144.667.952.944	5.667.050.083
Cộng	677.859.513.649	628.663.919.968	1.964.220.223.750	1.605.123.307.081

3. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.869.839.969	5.953.633.177	9.169.269.766	16.606.561.809
Lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	13.045.777.400	-	38.564.448.692	9.113.116.478
Cộng	14.916.035.856	5.953.633.177	47.734.136.945	25.719.678.287

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay	194.289.161.306	162.713.105.033	796.594.747.329	662.435.560.342
Chi phí tài chính khác	10.356.865.388	-	17.754.626.380	-
Lỗ từ công ty liên doanh liên kết	-	-	-	4.844.249.006
Cộng	204.646.026.694	162.713.105.033	814.349.373.709	667.279.809.348

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	9.679.327.536	8.292.799.570	32.001.061.506	28.887.387.912
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.833.649.963	5.579.119.041	16.101.454.824	14.193.106.216
Phân bổ lợi thế thương mại	613.757.816	613.757.816	2.455.031.264	2.455.031.264
Chi phí khấu hao	539.899.061	354.532.977	2.269.081.741	1.210.635.271
Chi phí khác	3.654.951.177	1.911.795.105	18.790.581.778	14.034.074.839
Cộng	19.321.585.553	16.752.004.509	71.617.211.113	60.780.235.502

6. THU NHẬP KHÁC

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND
Thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ	-	-	-	2.013.732.767
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	27.777.778	4.629.630	275.002.893	4.629.630
Các khoản thu nhập khác	4.817.750.356	4.207.860	4.825.919.165	67.701.238
Cộng	4.845.528.134	8.837.490	5.100.922.058	2.086.063.635

7. CHI PHÍ KHÁC

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND
Thanh lý, nhượng bán công cụ dụng cụ	-	-	-	1.406.114.063
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-	-	20.091.579
Các khoản chi phí khác	3.581.901.143	224.762.779	6.236.384.035	3.127.121.542
Cộng	3.581.901.143	224.762.779	6.236.384.035	4.553.327.184

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ**B 09a - DN/HN**

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**8. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	232.864.509.214	135.552.305.744	620.362.859.326	514.646.830.681
Chi phí nhân công	155.193.953.874	131.896.226.696	688.878.927.461	340.609.507.539
Chi phí khấu hao tài sản cố định	92.666.591.899	78.058.051.422	367.458.304.153	310.893.451.005
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.910.093.582	28.168.079.116	197.832.077.090	113.508.607.978
Chi phí khác bằng tiền	27.837.133.508	135.697.645.646	146.150.448.305	296.294.709.177
Cộng	554.472.282.077	509.372.308.624	2.020.682.616.335	1.575.953.106.380

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	25.311.381.050	14.855.211.592	82.427.185.002	62.489.023.426
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	2.715.210.964	-	4.728.243.671	35.130.053
Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.026.592.014	14.855.211.592	87.155.428.673	62.524.153.479

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận sau thuế cho Cổ đông của Công ty	95.491.736.024	51.437.091.232	404.961.161.015	322.122.856.962
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty sở hữu cổ phiếu phổ thông	95.491.736.024	51.437.091.232	404.961.161.015	322.122.856.962
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	432.255.528	329.350.351	416.007.469	318.843.035
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	221	156	973	1.010

11. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua nghị quyết số 03/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/05/2024 về việc thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa là 73.484.910 cổ phiếu.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 đã thông qua nghị quyết số 04/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/05/2024 về việc thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa là 75.862.363 cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

	Quý 4		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND	2024 VND	2024 VND
Lợi nhuận sau thuế cho Cổ đông của Công ty	95.491.736.024	51.437.091.232	404.961.161.015	322.122.856.962
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty sở hữu cổ phiếu phổ thông	95.491.736.024	51.437.091.232	404.961.161.015	322.122.856.962
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	432.255.528	329.350.351	416.007.469	318.843.035
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	149.347.273	156.441.613	149.347.273	156.441.613
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	164	106	716	678

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong tương lai: Không có
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có.
3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	484.325.689.987	503.403.158.775

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)**4. Số tiền thực trả gốc trong năm**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2024 VND	2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	1.772.220.761.360	886.294.034.961
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	3.495.086.748	4.970.543.556
Cộng	1.775.715.848.108	891.264.578.517

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Cộng VND
Khoản cam kết vốn (i)	71.802.099.206	144.817.400.794	-	216.619.500.000
Khoản cam kết khác (ii)	226.140.000	-	-	226.140.000
Cộng	72.028.239.206	144.817.400.794	-	216.845.640.000

(i) Theo thỏa thuận tại Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT) số 01/HĐ.BOT-UBND giữa UBND tỉnh Cao Bằng (Cơ quan nhà nước có thẩm quyền) với liên doanh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả - Công ty Cổ phần Đầu tư Và Xây dựng ICV Việt Nam - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả - Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 568 (Nhà đầu tư) và Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (Doanh nghiệp dự án).

(ii) Theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2023/HĐHTKD/BOT CLVH-HHV ngày 20/09/2023 và các phụ lục liên quan.

2. Thông tin về các bên liên quan: Xem phụ lục 1**3. Những sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024**

Thông qua đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2023, Công ty đã huy động được số tiền 829.915.742.000 VND. Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này Công ty chưa sử dụng hết số vốn thu được từ đợt chào bán, số tiền còn lại được phép sử dụng là 35.443.874.010 VND.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định ngoài các sự kiện nêu trên, Công ty không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****4. Thông tin bộ phận****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh**

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023						
	Thu phí trạm BOT VND	Hoạt động xây lắp VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Duy tu bảo dưỡng cầu, đường VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.572.642.616.928	1.047.328.437.548	20.915.838.636	29.063.439.057	15.591.907.082	2.685.542.239.251
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.572.642.616.928	1.047.328.437.548	20.915.838.636	29.063.439.057	15.591.907.082	2.685.542.239.251
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	971.820.078.577	85.590.340.055	5.067.165.565	8.016.490.974	9.924.856.999	1.080.418.932.170
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(60.780.235.502)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						1.019.638.696.668
Doanh thu hoạt động tài chính						25.719.678.287
Chi phí tài chính						(667.279.809.348)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh						49.109.315.093
Thu nhập khác						2.086.063.635
Chi phí khác						(4.553.327.184)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(62.524.153.479)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						2.260.754.189
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						364.457.217.861
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(128.953.497.802)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn						(310.893.451.005)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024						
	Thu phí trạm BOT VND	Hoạt động xây lắp VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Duy tu bảo dưỡng cầu, đường VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.913.780.065.107	1.151.845.561.043	20.325.723.896	65.526.945.415	156.792.410.467	3.308.270.705.928	
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.913.780.065.107	1.151.845.561.043	20.325.723.896	65.526.945.415	156.792.410.467	3.308.270.705.928	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.252.835.124.763	43.342.936.906	5.122.981.377	30.624.981.609	12.124.457.523	1.344.050.482.178	
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(71.617.211.113)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						1.272.433.271.065	
Doanh thu hoạt động tài chính						47.734.136.945	
Chi phí tài chính						(814.349.373.709)	
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh						53.163.248.795	
Thu nhập khác						5.100.922.058	
Chi phí khác						(6.236.384.035)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(87.155.428.673)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						2.551.285.785	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						473.241.678.231	
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(258.541.184.587)	
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn						(367.458.304.153)	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ Hạ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)****- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

01.01.2024	Thu phí trạm BOT VND	Hoạt động xây lắp VND	Duy tu bảo dưỡng cầu, đường VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	34.648.048.261.987	573.038.588.466	48.006.104.057	8.794.567.958	121.562.863.202	35.399.450.385.670
Tài sản không phân bổ						1.380.704.403.213
Tổng tài sản	34.648.048.261.987	573.038.588.466	48.006.104.057	8.794.567.958	121.562.863.202	36.780.154.788.883
Nợ phải trả bộ phận	26.984.370.585.157	204.946.942.349	20.665.060.408	-	13.409.453.125	27.223.392.041.039
Nợ phải trả không phân bổ						823.861.418.380
Tổng nợ phải trả	26.984.370.585.157	204.946.942.349	20.665.060.408	-	13.409.453.125	28.047.253.459.419

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)****- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

31.12.2024	Thu phí trạm BOT VND	Hoạt động xây lắp VND	Duy tu bảo dưỡng cầu, đường VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	35.317.671.994.444	765.355.631.524	56.235.230.338	9.517.591.464	56.043.530.569	36.204.823.978.339
Tài sản không phân bổ						2.598.869.340.715
Tổng tài sản	35.317.671.994.444	765.355.631.524	56.235.230.338	9.517.591.464	56.043.530.569	38.803.693.319.053
Nợ phải trả bộ phận	26.299.157.550.254	536.681.796.056	10.933.561.073		38.034.799.552	26.884.807.706.935
Nợ phải trả không phân bổ						1.011.122.230.345
Tổng nợ phải trả	26.299.157.550.254	536.681.796.056	10.933.561.073		38.034.799.552	27.895.929.937.279



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)****b) Báo cáo thứ yếu theo Khu vực địa lý**

Năm 2023	Bắc Giang,Lạng Sơn VND	Huế VND	Đà Nẵng VND	Phú Yên,Khánh Hòa VND	Địa bàn khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	393.747.441.610	428.643.988.085	63.844.214.305	1.477.431.882.518	321.874.712.733	2.685.542.239.251
Tài sản bộ phận	13.433.838.549.847	1.359.278.211.591	7.764.624.993.313	14.203.715.247.848	18.697.786.284	36.780.154.788.883
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(128.953.497.802)
Năm 2024	Bắc Giang,Lạng Sơn VND	Huế VND	Đà Nẵng VND	Phú Yên,Khánh Hòa VND	Địa bàn khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	460.956.608.333	492.181.121.535	231.879.273.269	1.231.439.658.241	891.814.044.550	3.308.270.705.928
Tài sản bộ phận	14.031.626.408.797	1.350.911.499.915	9.242.391.677.608	14.146.586.634.773	32.177.097.960	38.803.693.319.053
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(258.541.184.587)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính****a) Tài sản tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31.12.2024		01.01.2024		31.12.2024	01.01.2024
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	310.366.358.334	-	296.127.587.276	-	310.366.358.334	296.127.587.276
Phải thu khách hàng	631.921.316.813	(11.035.892.482)	399.951.959.341	(11.035.892.482)	620.885.424.331	388.916.066.859
Trả trước cho người bán	371.439.629.164	(1.301.620.413)	336.142.041.853	(1.301.620.413)	370.138.008.751	334.840.421.440
Phải thu về cho vay	6.000.000.000	-	-	-	6.000.000.000,00	-
Các khoản phải thu khác	828.838.708.767	(873.033.836)	371.867.515.213	(873.033.836)	827.965.674.931	370.994.481.377
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000.000.000	-	76.965.731.271	-	5.000.000.000	76.965.731.271
Đầu tư tài chính dài hạn	1.065.428.663.314	-	496.981.414.519	-	1.065.428.663.314	496.981.414.519
Cộng	3.218.994.676.392	(13.210.546.731)	1.978.036.249.473	(13.210.546.731)	3.205.784.129.661	1.964.825.702.742

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)****b) Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31.12.2024		01.01.2024		31.12.2024	01.01.2024
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	VND	VND
Phải trả cho người bán (i)	1.171.320.364.630	-	1.470.969.941.225	-	1.171.320.364.630	1.470.969.941.225
Người mua trả tiền trước	4.719.425.163	-	4.619.425.163	-	4.719.425.163	4.619.425.163
Vay và nợ (ii)	18.992.754.192.112	-	20.284.144.350.233	-	18.992.754.192.112	20.284.144.350.233
Phải trả người lao động	27.288.921.435	-	12.836.810.688	-	27.288.921.435	12.836.810.688
Các khoản phải trả khác	1.028.885.568.894	-	541.716.066.673	-	1.028.885.568.894	541.716.066.673
Cộng	21.224.968.472.234	-	22.314.286.593.982	-	21.224.968.472.234	22.314.286.593.982

(i) Khoản phải trả cho người bán chủ yếu là các khoản tiền bảo hành và tiền giữ lại chờ quyết toán tại các doanh nghiệp dự án hạ tầng giao thông theo hình thức BOT (dự án cao tốc Bắc Giang Lạng Sơn, dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả) chưa đến hạn chi trả.

(ii) Vay và nợ chủ yếu là các khoản nợ vay dài hạn của các công ty con tại các tổ chức tín dụng tài trợ cho dự án hạ tầng giao thông đường bộ theo hình thức BOT (dự án cao tốc Bắc Giang Lạng Sơn, dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả, dự án hầm đường bộ Phước Tượng - Phú Gia). Các khoản vay này được bảo đảm bằng quyền thu phí của các dự án. Hiện nay, các dự án này đều đã hình thành tài sản và được đưa vào khai thác, vận hành thu phí với doanh thu tăng trưởng ổn định hàng năm. Nguồn trả nợ đến từ nguồn thu phí của chính các dự án với lịch trả nợ được xây dựng phù hợp với dòng tiền thực tế của từng dự án.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)****b) Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)**

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty**a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b) Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)****b) Rủi ro thanh toán (tiếp theo)**

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Phải trả cho người bán	899.222.301.581	272.098.063.049	-	1.171.320.364.630
Người mua trả tiền trước	4.719.425.163	235.397.526.005	-	240.116.951.168
Vay và nợ	1.080.398.965.089	3.784.547.028.797	14.127.808.198.226	18.992.754.192.112
Chi phí phải trả	590.883.675.967	5.588.989.267.445	-	6.179.872.943.412
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.110.064.526.308	39.972.698.861	5.500.000.000	1.155.537.225.169
Cộng	3.685.288.894.108	9.921.004.584.157	14.133.308.198.226	27.739.601.676.491

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)****c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối năm, Công ty không có số dư gốc ngoại tệ nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá**+ Rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

- Rủi ro về giá (tiếp theo)

+ Rủi ro về giá bất động sản

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2023 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCs) và Báo cáo tài chính hợp nhất cho Quý 4 năm 2023 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 01 năm 2025

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc**

Người lập biểu

Kế toán trưởng



ĐẶNG THỊ HUYỀN

NGUYỄN VĂN ÂN

NGUYỄN QUANG HUY

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

- *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:* Không phát sinh
- *Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:* Không có.
- *Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024 VND	2023 VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		2.088.000.000	2.088.000.000
Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch HĐQT	360.000.000	360.000.000
Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch HĐQT	240.000.000	240.000.000
Nguyễn Hữu Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	240.000.000	240.000.000
Võ Thụy Linh	Thành viên HĐQT	180.000.000	180.000.000
Trần Chũng	Thành viên HĐQT	180.000.000	180.000.000
Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT	180.000.000	180.000.000
Hồ Quang Lợi	Thành viên độc lập HĐQT	180.000.000	180.000.000
Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập HĐQT	180.000.000	180.000.000
Nguyễn Minh Giang	Trưởng Ban kiểm soát	180.000.000	180.000.000
Cam Thị Minh Hải	Thành viên Ban kiểm soát	84.000.000	84.000.000
Phan Thị Mai	Thành viên Ban kiểm soát	84.000.000	84.000.000

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan (tiếp theo):***- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo):*

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024 VND	2023 VND
Tiền lương		4.242.000.000	4.074.166.667
Nguyễn Quang Huy	Tổng giám đốc	910.000.000	910.000.000
Ngô Trường Nam	Phó Tổng giám đốc thường trực	105.000.000	-
Trần Văn Chí	Phó Tổng giám đốc thường trực	715.000.000	715.000.000
Võ Ngọc Trung	Phó Tổng giám đốc	520.000.000	520.000.000
Lê Châu Thắng	Phó Tổng giám đốc	481.000.000	455.000.000
Trần Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc	546.000.000	509.166.667
Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng giám đốc	455.000.000	455.000.000
Nguyễn Văn Ân	Kế toán trưởng	510.000.000	510.000.000

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan khác:

Danh sách các bên liên quan

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh

Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị
Hồ Minh Hoàng
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư VINALOG
Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận

Công ty Cổ phần Đèo Cả Capital
Công ty Cổ Phần Tập đoàn Đầu tư xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên
Công ty cổ phần Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Kiểm soát viên Phan Thị Mai
Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông
Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy
Công ty liên kết

Chủ tịch HĐQT
Công ty con của Công ty mẹ
Cổ đông lớn, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh
Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy
Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy
Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang
Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh
Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng
Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang.
Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng
Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang
Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng đến ngày 25/04/2024
Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng đến ngày 16/04/2024
Công ty có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy; Phó TGD Thường trực Trần Văn Chí; PTGD Nguyễn Quỳnh Mai; Kế toán trưởng Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị công ty Trần Tấn Huy.

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Tóm tắt hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm:

Công ty con

<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	65,03%	65,03%	96.122.894.489	220.226.363.371
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	73,41%	73,41%	125.733.181.787	(145.036.393.021)
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,37%	99,37%	21.999.543.213	21.999.543.213

Công ty liên doanh, liên kết

<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,34%	50,00%	114.123.340.861	490.288.703.818
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	40,00%	40,00%	-	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	38,00%	38,00%	(5.131.847.789)	(5.131.847.789)
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	40,00%	40,00%	(2.710.932.732)	(1.410.489.198)

Tóm tắt hoạt động của khoản đầu tư vào các công ty khác trong năm:

Đầu tư vào Công ty khác

<i>Tên Công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	15,37%	15,37%	62.261.006.614	110.038.392.410

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy	Bán hàng hóa, dịch vụ	599.572.392	4.444.444
		Mua hàng hóa, dịch vụ	89.003.826.675	57.157.051.557
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty liên kết	Thu lại tiền góp vốn	10.116.000.000	78.380.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Kiểm soát viên Phan Thị Mai	Bán hàng hóa, dịch vụ	2.295.537.037	4.564.508.030
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Bán hàng hóa, dịch vụ	377.053.428.864	510.194.003.029
		Mua hàng hóa, dịch vụ	68.036.496.376	83.709.368.376
		Chi phí lãi vay	-	635.545.500
		Nhận tiền vay	-	14.950.000.000
		Trả tiền lãi vay	-	27.639.540.763
		Trả tiền vay	-	69.986.895.603
		Thu nhập khác	-	2.866.425.049
		Nhận chuyển nhượng cổ phần	517.900.000.000	-
		Thu lại tiền hợp tác kinh doanh	-	221.530.970.000
		Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	-	9.113.116.478

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan Các nghiệp vụ chủ yếu như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh	Chi phí lãi vay	-	2.029.294.948
		Trả tiền vay	-	58.111.400.000
		Trả tiền lãi vay	-	23.642.753.053
Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang	Mua hàng hóa, dịch vụ	29.126.281.830	25.157.351.185
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang	Chi phí lãi vay	-	1.511.232.876
		Trả tiền vay	-	44.000.000.000
		Trả tiền lãi vay	-	20.161.583.331
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng đến ngày 16/04/2024	Chi trả lợi nhuận cho Nhà đầu tư	-	19.759.545
		Nhận tiền góp vốn	-	400.000.000
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	Công ty con của Công ty mẹ	Bù đắp lợi nhuận nhà đầu tư	6.316.980.013	-

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan Các nghiệp vụ chủ yếu như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm tài chính	
			kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2024 VND	2023 VND
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh	Bán hàng hóa, dịch vụ	7.700.203.509	9.436.942.812
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT kiêm TGĐ Nguyễn Quang Huy; Phó TGĐ Thường trực Trần Văn Chí; PTGD Nguyễn Quỳnh Mai; Kế toán trưởng Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị công ty Trần Tấn Huy.	Bán hàng hóa, dịch vụ	1.356.909.082	1.815.527.267
		Mua hàng hóa, dịch vụ	38.099.828.705	52.616.857.023
		Thu nhập khác từ thanh lý công cụ dụng cụ	-	147.371.354
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng đến ngày 25/04/2024	Bán hàng hóa, dịch vụ	-	24.467.907.817
		Mua hàng hóa, dịch vụ	-	49.453.166.743
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Bán hàng hóa, dịch vụ	175.158.427.705	297.715.246.442
		Chi tiền hợp tác kinh doanh	413.773.860.000	60.000.000.000
		Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	38.564.448.692	1.750.100.044
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT kiêm TGĐ Nguyễn Quang Huy	Góp vốn	7.500.000.000	-
		Đặt cọc góp vốn	64.302.099.206	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**2. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN			381.952.072.308	290.048.869.143
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Kiểm soát viên Phan Thị Mai	Trung tu hầm, đường Vận hành các trạm thu phí Thi công xây lắp Duy tu bảo dưỡng hầm, đường	1.537.414.900 3.647.065.400 244.609.500 1.150.582.495 6.579.672.295	7.746.163.495 3.647.065.400 1.153.372.000 1.371.715.400 13.918.316.295
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Thi công xây lắp	213.453.819.549 213.453.819.549	130.984.526.628 130.984.526.628
Công ty cổ phần quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy; Phó TGD Thường trực Trần Văn Chí; PTGD Nguyễn Quỳnh Mai; Kế toán trưởng Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị công ty Trần Tấn Huy.	Thuê xe	2.935.663.301 2.935.663.301	1.470.201.487 1.470.201.487
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy	Dịch vụ khác	637.938.182 637.938.182	2.400.000 2.400.000

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh	Duy tu bảo dưỡng hầm, đường Thuê xe	13.158.482.562 388.363.635 13.546.846.197	14.197.437.297 388.363.635 14.585.800.932
Công ty Cổ Phần Tập đoàn Đầu tư xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang.	Phải thu khách hàng	- -	6.800.000.000 6.800.000.000
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hào	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Thi công xây lắp	144.798.132.784 144.798.132.784	70.600.560.453 70.600.560.453
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng đến ngày 25/04/2024	Thi công xây lắp	- -	51.687.063.348 51.687.063.348

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC			91.192.934.288	31.248.203.686
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Đặt cọc tiền vé máy bay Phải thu khác	100.000.000 23.875.003.994 23.975.003.994	100.000.000 18.125.128.566 18.225.128.566
Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy	Đặt cọc góp vốn	64.302.099.206 64.302.099.206	- -
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy	Thi công xây lắp	251.998.000 251.998.000	3.758.872.000 3.758.872.000
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Phải thu khác	2.663.833.088 2.663.833.088	2.446.716.160 2.446.716.160
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng đến ngày 25/04/2024	Phải thu khác	- -	6.817.486.960 6.817.486.960

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC			558.696.413.227	146.607.367.942
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	Công ty con của Công ty mẹ	Tạm ứng cổ tức	44.608.004.491 44.608.004.491	50.924.984.504 50.924.984.504
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng đến ngày 16/04/2024	Tạm ứng cổ tức	- -	33.932.283.394 33.932.283.394
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Hợp tác kinh doanh Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	473.773.860.000 40.314.548.736 514.088.408.736	60.000.000.000 1.750.100.044 61.750.100.044
PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN			316.628.745.485	523.786.807.771
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Thi công xây lắp Mua vật tư Cung cấp công nghệ thông tin Vé máy bay, khác	225.568.624.637 8.479.711.976 586.624.500 20.777.007.970 255.411.969.083	371.474.187.166 31.273.362.115 684.395.250 24.284.294.069 427.716.238.600
Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang	Cung cấp dịch vụ	13.724.616.640 13.724.616.640	13.137.122.556 13.137.122.556

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

B 09a - DN/HN**PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy	Cung cấp vật tư	17.850.311.355 17.850.311.355	13.543.989.995 13.543.989.995
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của PTGD Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy; Phó TGD Thường trực Trần Văn Chí; PTGD Nguyễn Quỳnh Mai; Kế toán trưởng Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị công ty Trần Tấn Huy.	Cung cấp dịch vụ	29.641.848.407 29.641.848.407	25.690.742.779 25.690.742.779
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng đến ngày 25/04/2024	Cung cấp dịch vụ	- -	43.698.713.841 43.698.713.841
PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN DÀI HẠN			2.719.148.000	2.719.148.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chung, Thành viên HĐQT kiêm TGD Nguyễn Quang Huy	Thi công xây lắp	2.719.148.000 2.719.148.000	2.719.148.000 2.719.148.000



PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2024 VND	01.01.2024 VND
PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC			507.900.000.000	65.626.091.401
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng đến ngày 25/04/2024	Bảo hành chờ quyết toán	-	65.626.091.401
			-	65.626.091.401
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Nhận chuyển nhượng cổ phần	507.900.000.000	-
			507.900.000.000	-

Ghi chú: Các giao dịch với bên liên quan đã thực hiện đúng theo quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và quy định pháp lý có liên quan.